

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau đánh giá tích cực của HSBC về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2020

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến nổi trội hơn so với thị trường cơ sở

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

ACB

[Cập nhật công ty]

PVT

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tạm thời giảm thiểu vị thế ngắn hạn còn lại trong tài khoản tại vùng kháng cự đề cập

04/08/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	827.57	+1.59
VN30	768.22	+1.37
HĐTL VN30F1M	762.00	+2.70
HNXIndex	112.50	+1.87
HNX30	207.95	+1.84
UPCoM	55.89	+0.68
USD/VND	23,177	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.89	-6
Lãi suất qua đêm (%)	0.30	+13
Dầu (WTI, \$)	40.55	-1.12
Vàng (LME, \$)	1,976.49	-0.02



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 827.57 (+1.59%)
KLGD (triệu CP) 251.3 (+6.4%)
GTGD (triệu US\$) 180.3 (-12.1%)

HNXIndex 112.50 (+1.87%)
KLGD (triệu CP) 39.7 (-7.2%)
GTGD (triệu US\$) 17.3 (+0.0%)

UPCoM 55.89 (+0.68%)
KLGD (triệu CP) 14.2 (-6.2%)
GTGD (triệu US\$) 7.9 (-2.3%)

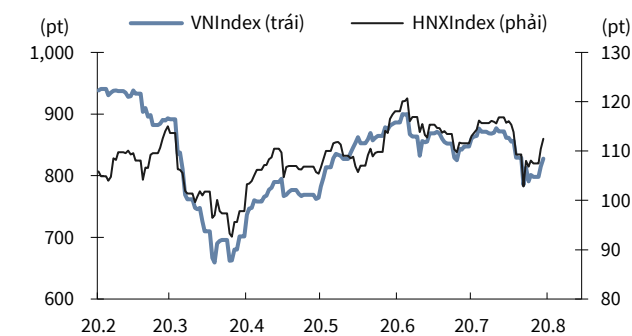
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -5.7

TTCK Việt Nam tăng điểm sau đánh giá tích cực của HSBC về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2020. Cụ thể, trong báo cáo về thị trường cận biên tại Châu Á, HSBC dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 3% trong năm nay và là quốc gia ASEAN duy nhất tăng trưởng dương, và bật lên mức 8.5% trong năm 2021.

Phản ứng trước thông tin trên, cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng giá ở VCB (+3.9%), BID (+1.9%). Thông tin từ Nikkei cho biết Samsung đang tính toán dịch chuyển dây chuyền sản xuất PC từ Trung Quốc sang Việt Nam giúp nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tăng giá ở ITA (+6.8%), KBC (+1.2%).

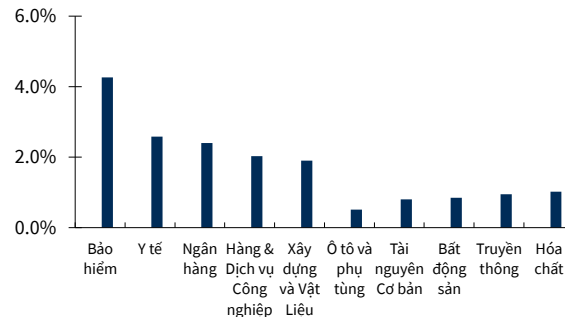
Thông tin giải ngân vốn đầu tư công của TP Hồ Chí Minh trong tháng 7 cao gấp 3 lần cùng kỳ, đạt 5,360 tỷ đồng, giúp nhóm cổ phiếu hạ tầng tăng giá ở FCN (+5.6%), HBC (+4.6%). Cổ phiếu dệt may như TCM (+7%), MSH (+6.4%) tiếp tục giao dịch khởi sắc nhờ kỳ vọng hưởng lợi từ Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực vào 1/8 vừa qua. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở SAB (+1.3%), HDG (+1.8%), VHM (+0.6%).

VNIndex & HNXIndex



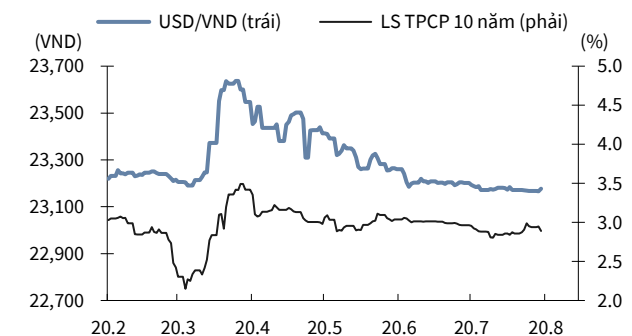
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



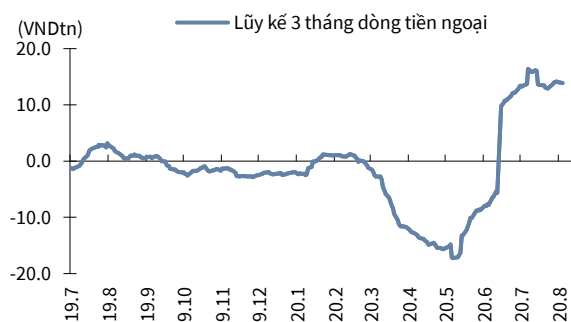
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



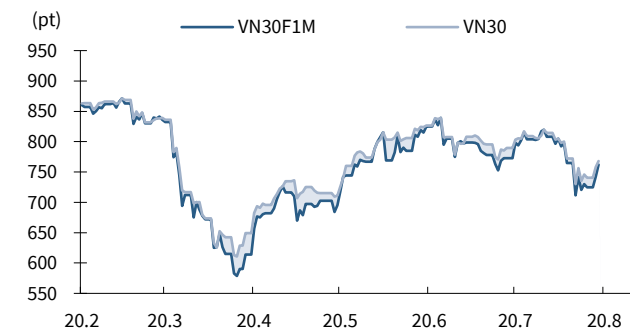
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	768.22 (+1.37%)
VN30F1M	762.0 (+2.70%)
Mở cửa	758.0
Cao nhất	762.0
Thấp nhất	751.1
KLGD (HĐ)	236,183 (+0.0%)

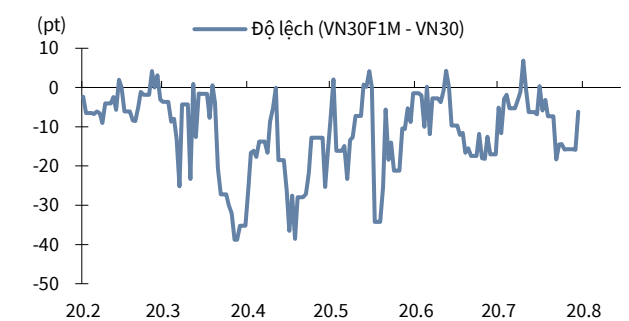
Các HĐTL diễn biến nổi trội hơn so với thị trường cơ sở nhờ tín hiệu khả quan về tình hình dịch bệnh không lây lan mạnh ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh; cùng với diễn biến khởi sắc của TTCK thế giới. Chênh lệch F2008 và VN30 mở cửa ở mức -1.86 và ngay lập tức tăng lên mức cao nhất trong ngày ở +2.14 với vị thế LONG được gia tăng mạnh khi thị trường cơ sở diễn biến tích cực. Chênh lệch sau đó đảo chiều giảm điểm và giao động quanh ngưỡng -5.9 và -11.7, trước khi hồi phục nhẹ và đóng cửa ở mức -6.22 khi nhà đầu tư mở lại vị thế LONG trong bối cảnh DOW future tăng điểm. NĐTNN tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản ở mức trung bình.

HĐTL VN30F1M & VN30



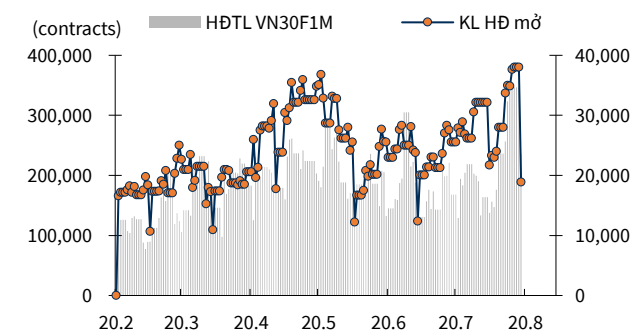
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



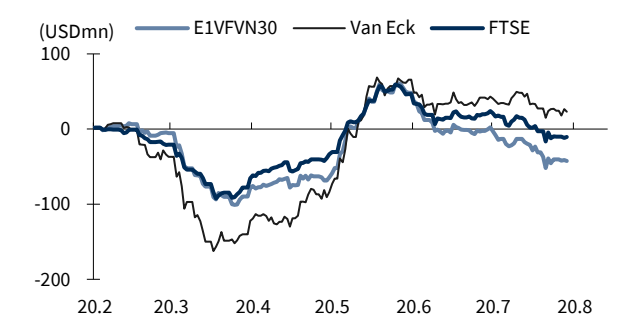
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

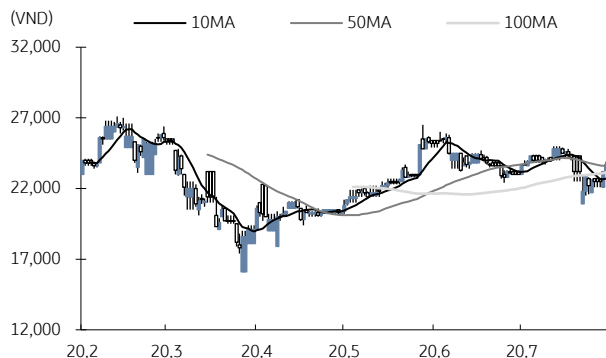
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACB tăng 2.2% lên 23,700 VND/cp.

- ACB mới đây công bố đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn điều lệ từ 16,627 tỷ đồng lên 21,615 tỷ đồng dưới hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019. Cụ thể, ngân hàng dự kiến phát hành 498.8 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 4,988 tỷ đồng. Tỷ lệ phát hành là 30%, tương đương với mỗi 10 cổ phiếu nắm giữ, cổ đông sẽ được nhận thêm 3 cổ phiếu mới. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý 4/2020.

Vận Tải Dầu Khí (PVT)

LN Q2 vượt kỳ vọng nhưng LNHHĐ trong dự phóng

03/08/2020

Chuyên viên phân tích Dầu Khí
Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh Q2 trong kỳ vọng, giữ nguyên khuyến nghị MUA và giảm giá mục tiêu (GMT) xuống 16,800 VND

Kết quả HĐKD cốt lõi Q2 nằm trong kỳ vọng của chúng tôi, với đa số giá thuê tàu cho các tuyến giữ nguyên và chỉ giảm giá thuê tàu cho NMLD Bình Sơn (BSR, MUA, GMT 8,100 VND) như thỏa thuận riêng của giữa hai bên. Chúng tôi giữ nguyên khuyến nghị MUA nhưng điều chỉnh giảm giá mục tiêu 12 tháng xuống còn 16,800 VND (giảm 2.9% từ 17,300) chủ yếu do BLĐ của PVT điều chỉnh giảm Lợi nhuận chưa phân phối. GMT mới được xác định từ P/B giữa chu kỳ (mid-cycle) từ mô hình cổ tức 3 giai đoạn và P/B không tăng trưởng (ex-growth) sau khi đã điều giảm giá trị sổ sách của công ty 3.2% tương ứng với điều chỉnh kế toán của doanh nghiệp.

Kết quả lợi nhuận khả quan dù giảm giá thuê vận chuyển dầu thô cho BSR và giá thuê FPSO Đại Hùng Queen

Dù PVT đã bổ thêm vài tàu mới, lợi nhuận Q2 giữ nguyên ở mức 201 tỷ VND (giảm 2.3% YoY) với doanh thu đạt 1,829 tỷ VND (giảm 17.6% YoY) chủ yếu do giảm giá thuê vận chuyển dầu thô cho NMLD Dung Quất của BSR và giá thuê tàu FPSO Đại Hùng Queen. Lợi nhuận Q2 ghi nhận cao hơn dự phóng của chúng tôi khoảng 53% chủ yếu do lợi nhuận tài chính một lần (one-off) (tăng 73% YoY). Lợi nhuận gộp công bố đạt 251 tỷ VND, sát với dự phóng 259 tỷ VND của chúng tôi.

Điều chỉnh LN 2020E tăng 7% do doanh thu tài chính ghi nhận 1 lần

Chúng tôi tăng LN 2020E 7% lên 578 tỷ VND (EPS là 2,052 VND) từ mức dự phóng cũ 535 tỷ VND (EPS là 1,920 VND) vì thể hiện doanh thu tài chính ghi nhận 1 lần. Chúng tôi vẫn tăng chi phí tài chính vào Q3 & Q4 nhưng vẫn giữ nguyên chi phí tài chính cả năm 2020E vì đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến quá trình đầu tư tàu. Lợi nhuận dự phóng Q3 giảm 16% còn 81 tỷ VND và lợi nhuận Q4 giảm 6% còn 228 tỷ VND. Dự phóng cho giai đoạn 2021E-2025E giữ nguyên.

Mua duy trì

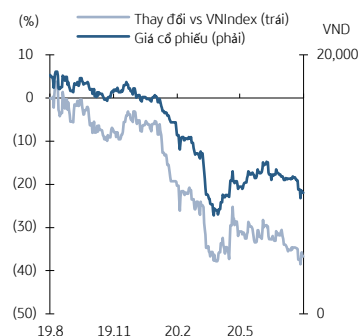
Giá mục tiêu	VND16,800
Tổng mức sinh lời (%)	89.4%
Giá hiện tại (31/07/2020)	VND9,350
Giá mục tiêu thị trường	VND12,800
Giá trị vốn hóa (triệu USD)	USD114mn

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ free-float (%)	44.0%
GTGD trung bình (3T)	USD0.65mn
Room khối ngoại (%)	26.4%
Cổ đông lớn (%)	PetroVietnam (51%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-11.8	-4.9	-32.2	-49.3
Tương đối	-8.8	-8.4	-20.5	-36.7

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2019A	2020E	2021E	2022E
Doanh thu (tỷ VND)	7,758	7,102	8,561	10,700
EBIT	928	911	1,212	1,681
LN sau CĐTS	690	578	699	971
EPS (VND)	2,450	2,052	2,485	3,451
Thay đổi EPS (%)	5.8	(16.3)	21.1	38.9
P/E (x)	3.8	4.6	3.8	2.7
EV/EBITDA (x)	2.7	3.1	3.6	3.0
P/B (x)	0.5	0.4	0.4	0.4
ROE (%)	12.7	10.0	11.3	14.3
Tỷ suất cổ tức (%)	12.9	10.7	12.8	15.0



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

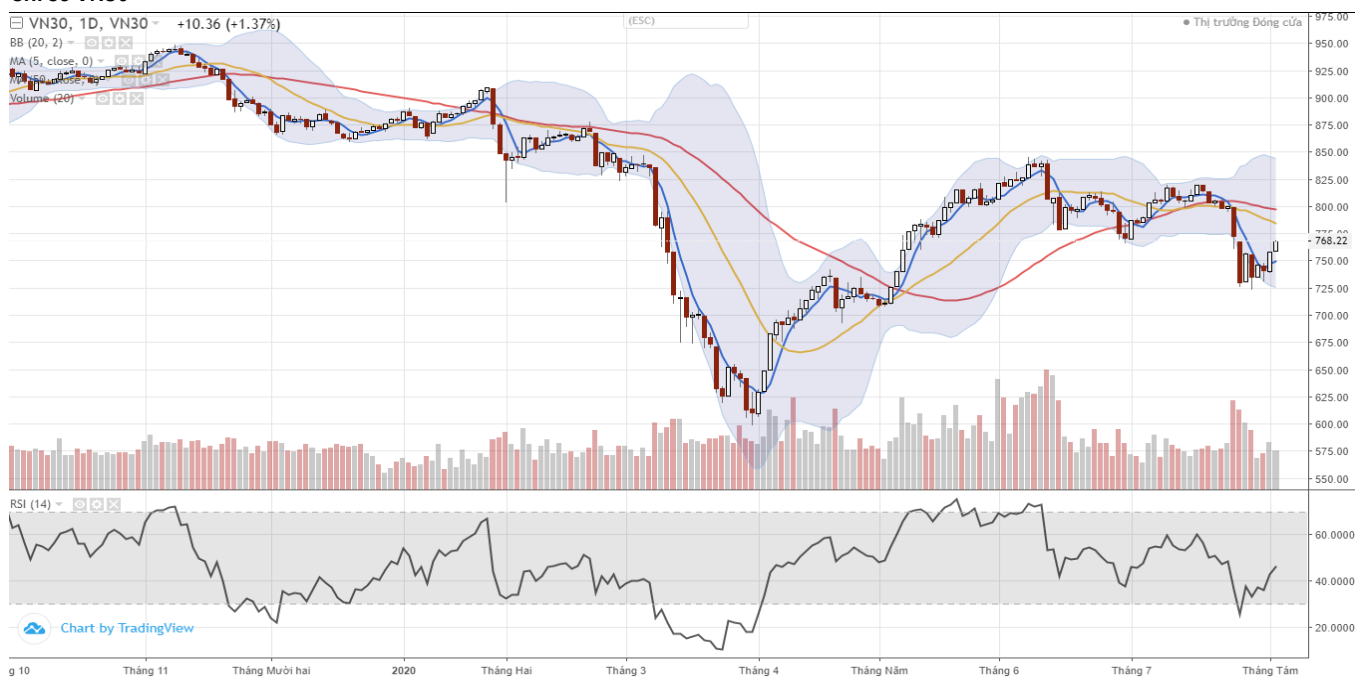
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tạo gap tăng điểm ngay từ đầu phiên và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Chỉ số đang thử thách cận trên của vùng kháng cự gần 82x và chúng tôi cho rằng rủi ro đảo chiều điều chỉnh hiện có phần lấn át cơ hội tăng điểm.
- NĐT được khuyến nghị tạm thời giảm thiểu vị thế ngắn hạn còn lại trong tài khoản tại vùng kháng cự đề cập.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 cũng ghi nhận phiên tăng điểm với lực mua gia tăng mạnh vào cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng vùng kháng cự gần tại 770 (+5) sẽ khiến áp lực bán tăng dần trong các phiên tới, khiến rủi ro đảo chiều điều chỉnh đứng ở mức cao.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT khi chỉ số tiệm cận vùng kháng cự đề cập.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

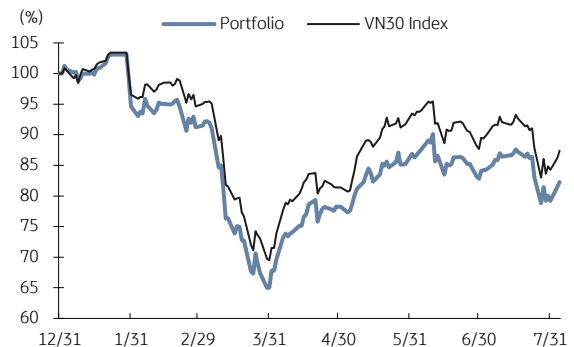
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.37%	0.93%
Tăng lũy kế (YTD)	-12.61%	-17.73%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/08/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	77,000	1.3%	-33.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,300	0.0%	-5.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	53,500	1.3%	-30.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,400	1.2%	-16.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	33,700	0.0%	-0.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	46,550	1.4%	39.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	22,050	1.4%	-9.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	97,000	1.0%	-24.9%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,000	0.4%	17.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,050	1.2%	-4.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	0.6%	6.2%	13.8
VCB	3.9%	23.8%	10.9
MSN	2.7%	38.7%	10.7
PLX	1.7%	14.6%	7.9
STB	1.5%	9.0%	7.9
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SAB	1.3%	63.3%	-66.1
HDG	1.8%	10.0%	-33.3
VHM	0.6%	20.2%	-30.4
HPG	0.4%	35.8%	-15.9
VJC	1.0%	18.0%	-9.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BVS	4.4%	24.6%	1.3
PVB	2.8%	0.0%	0.4
DHT	-4.5%	4.3%	0.4
DNC	0.0%	0.5%	0.4
TIG	0.0%	13.7%	0.3
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	4.1%	6.6%	-1.1
DNM	-10.0%	4.1%	-0.7
PGS	-3.0%	8.0%	-0.4
AMV	2.7%	3.9%	-0.4
NET	2.9%	0.8%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	6.9%	BVH, BIC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.9%	APH, REE
Y tế	3.8%	DHG, PME
Bất động sản	2.7%	VHM, VIC
Công nghệ thông tin	2.4%	FPT, SAM
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-3.4%	YEG, PNC
Hóa chất	-0.6%	GVR, TNC
Du lịch và Giải trí	0.1%	SCS, DAH
Thực phẩm và đồ uống	0.4%	SAB, BHN
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%	GEG, PPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	1.9%	DHG, TRA
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.3%	GEX, REE
Công nghệ thông tin	-1.0%	SAM, CMG
Ô tô và phụ tùng	-1.0%	SVC, CSM
Tài nguyên Cơ bản	-1.6%	DHC, TTF
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-11.0%	VJC, HVN
Truyền thông	-10.2%	YEG, PNC
Bán lẻ	-7.1%	MWG, FRT
Hóa chất	-6.8%	GVR, DGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-6.0%	PNJ, LIX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	88,000	297,654 (12,843)	31,456 (1.4)	22.8	47.3	30.3	19.3	8.7	8.9	3.3	3.0	0.5	3.3	-2.4	-23.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,000	259,872 (11,212)	137,272 (5.9)	28.8	9.8	9.0	33.6	37.9	28.9	3.1	2.4	0.6	4.2	1.5	-6.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	26,300	59,762 (2,579)	65,278 (2.8)	18.1	23.0	17.2	3.9	9.9	11.9	2.1	2.0	2.5	-3.3	-0.8	-22.6
	NVL	NO VA LAND INVES	64,700	62,729 (2,707)	64,230 (2.8)	32.1	18.2	18.4	0.4	13.4	12.2	2.4	2.1	0.6	1.7	3.7	8.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,350	12,773 (551)	13,162 (0.6)	5.0	12.5	10.5	11.8	14.0	15.5	1.6	1.5	3.2	2.7	1.5	-9.5
	DXG	DAT XANH GROUP	9,600	4,980 (215)	39,000 (1.7)	10.7	4.8	4.3	-14.0	12.3	14.3	0.6	0.6	6.0	5.1	-	-33.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	81,900	303,757 (13,106)	70,160 (3.0)	6.2	18.3	15.0	11.9	19.8	19.5	3.1	2.6	3.9	4.3	-1.3	-9.2
	BID	BANK FOR INVESTM	37,900	152,434 (6,577)	35,519 (1.5)	12.3	33.0	18.8	-11.3	9.1	12.3	2.1	1.9	1.9	0.1	-3.1	-17.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	18,850	65,978 (2,847)	31,752 (1.4)	0.0	6.5	5.5	3.8	15.8	15.5	0.9	0.8	1.3	0.5	-4.8	-20.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	22,050	82,101 (3,542)	99,269 (4.3)	0.0	12.3	9.1	16.4	10.1	12.0	1.0	0.9	1.4	1.6	-1.1	5.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	21,100	51,436 (2,219)	68,706 (3.0)	0.0	6.9	5.6	-1.3	16.5	16.7	1.0	0.9	0.7	1.9	-0.9	5.5
	MBB	MILITARY COMMERC	16,400	39,547 (1,706)	64,081 (2.8)	0.0	5.4	4.5	7.8	18.4	18.0	0.9	0.7	1.2	0.6	-2.7	-21.2
	HDB	HDBANK	24,650	23,810 (1,027)	22,712 (1.0)	9.5	6.3	5.0	16.8	20.4	21.9	1.0	0.9	1.0	2.7	-5.2	-10.5
	STB	SACOMBANK	10,500	18,938 (817)	112,523 (4.9)	14.6	10.5	6.8	10.6	8.3	10.0	-	-	1.4	-0.5	-4.5	4.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,900	17,066 (736)	1,671 (0.1)	0.0	6.0	4.9	34.4	22.4	18.4	1.1	0.9	1.2	0.2	1.5	-0.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,850	20,716 (894)	3,487 (0.2)	0.0	36.2	34.7	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	1.5	2.1	-5.6	-5.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	45,300	33,627 (1,451)	25,868 (1.1)	20.8	32.4	24.4	-5.4	5.9	7.5	1.7	1.7	4.9	8.1	-2.6	-34.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,450	1,868 (081)	2,725 (0.1)	13.9	-	-	-	7.6	8.6	0.8	0.8	0.0	-1.7	-6.0	-17.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	14,350	8,623 (372)	84,267 (3.6)	51.0	10.1	7.9	-17.7	8.2	10.7	0.8	0.8	1.8	1.1	-5.3	-7.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,400	3,516 (152)	16,140 (0.7)	70.9	7.6	5.9	-24.9	11.1	13.0	0.8	0.7	2.1	1.9	-4.3	-27.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	17,250	5,263 (227)	35,889 (1.5)	48.4	11.8	7.3	-22.5	11.0	17.1	1.2	1.1	0.6	0.6	-9.2	-19.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,500	2,398 (103)	6,468 (0.3)	13.2	10.3	6.5	-19.1	7.4	11.2	0.7	0.7	1.3	-1.3	-	-20.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	111,300	193,815 (8,362)	125,840 (5.4)	41.3	18.8	17.6	6.2	37.7	38.1	6.5	5.8	1.9	1.3	-2.5	-4.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	171,200	109,787 (4,737)	36,700 (1.6)	36.7	27.5	23.8	-2.2	20.5	23.0	5.4	4.9	1.3	-4.9	-2.2	-24.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,000	63,123 (2,724)	63,843 (2.8)	10.3	55.9	26.5	-50.7	3.0	7.2	1.4	1.4	2.7	6.9	-5.6	-4.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,800	13,081 (564)	10,138 (0.4)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-1.7	-1.7	-	-15.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	97,000	50,812 (2,192)	31,831 (1.4)	12.0	177.7	11.9	-76.5	11.6	24.2	3.2	3.4	1.0	0.5	-	-33.7
	GMD	GEMADEPT CORP	19,150	5,686 (245)	4,320 (0.2)	0.0	15.1	13.2	-54.8	6.9	7.7	1.0	0.9	3.2	4.4	1.3	-17.8
	CII	HO CHI MINH CITY	17,700	4,227 (182)	23,369 (1.0)	33.6	12.4	13.2	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	1.1	2.9	-4.1	-21.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,220	1,260 (054)	26,368 (1.1)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	3.7	-6.7	-	-87.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,100	9,446 (408)	68,024 (2.9)	33.2	13.0	10.1	-16.2	11.7	13.9	-	-	3.9	4.7	16.2	3.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,500	5,608 (242)	60,073 (2.6)	3.0	9.7	9.7	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	4.9	3.5	-8.0	43.3
	REE	REE	33,700	10,449 (451)	14,989 (0.6)	0.0	6.8	6.1	-10.3	12.9	14.0	0.9	0.8	0.0	4.3	6.1	-7.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	68,100	130,340 (5,624)	42,967 (1.9)	45.8	17.6	13.6	-19.0	15.4	19.1	2.6	2.5	1.3	0.4	-3.1	-27.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,000	6,045 (261)	7,408 (0.3)	30.7	8.6	8.3	-2.4	16.7	17.9	1.4	1.4	2.2	0.2	-4.8	-3.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,100	7,406 (320)	3,128 (0.1)	32.5	7.7	8.4	-7.3	16.0	14.5	1.2	1.2	-0.4	-2.1	-4.7	-14.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,000	76,206 (3,288)	338,659 (14.6)	13.2	8.6	6.9	1.0	18.2	19.5	1.4	1.2	0.4	0.9	0.4	17.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,300	5,596 (241)	32,783 (1.4)	38.3	9.3	9.6	-0.7	8.8	8.1	0.7	0.7	1.1	1.4	-0.3	10.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,160	4,320 (186)	13,230 (0.6)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-1.8	-5.7	25.5
	HSG	HOA SEN GROUP	10,350	4,599 (198)	102,633 (4.4)	38.4	6.1	6.2	38.6	13.9	11.4	0.7	0.6	2.0	-0.5	-	39.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,400	2,408 (104)	18,519 (0.8)	97.5	5.3	6.2	45.9	13.4	10.4	0.6	0.5	1.8	-0.9	-6.9	-10.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	44,500	53,659 (2,315)	26,960 (1.2)	5.4	37.6	15.6	-35.7	7.1	15.3	2.2	1.9	1.7	2.1	-3.2	-20.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,460	3,984 (172)	29,915 (1.3)	37.2	37.8	17.9	-16.4	0.9	0.9	0.3	0.3	0.5	0.7	-7.3	-37.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	9,900	2,786 (120)	10,901 (0.5)	26.4	6.6	5.6	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	3.1	3.7	-4.3	-41.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	77,000	34,867 (1,504)	61,381 (2.6)	0.0	9.5	7.2	12.4	27.7	28.6	2.3	1.8	1.3	1.3	-5.8	-32.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	53,500	12,044 (520)	27,320 (1.2)	0.0	14.0	11.5	-2.7	20.9	23.1	2.3	2.2	1.3	-0.9	-8.7	-37.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	47,500	1,402 (060)	1,128 (0.0)	69.3	20.0	14.6	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	1.1	-3.7	-	28.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,500	1,698 (073)	16,333 (0.7)	13.6	10.7	8.5	-31.9	11.8	13.7	1.2	1.1	2.4	-4.2	-8.3	2.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	51,800	7,019 (303)	70,741 (3.1)	38.1	6.8	7.2	27.8	36.8	29.8	2.3	2.0	0.6	0.6	-1.5	35.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	97,000	12,682 (547)	1,186 (0.1)	45.4	19.7	18.2	4.6	19.5	19.4	3.6	3.4	5.8	5.4	5.4	6.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	63,000	4,726 (204)	607 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	3.3	-1.4	16.0
IT	FPT	FPT CORP	46,550	36,491 (1,574)	76,085 (3.3)	0.0	10.5	8.8	19.5	24.3	25.9	2.3	2.1	1.4	1.9	0.6	-8.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congltd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.